TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18 /2017/ST-HNGĐ
Ngày: 28/8/2017
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Loan
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí
Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2016/TLST ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 554/2017/QĐ - ST ngày 12/7/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1990

Địa Chỉ: Thôn H, xã NA, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Kim Myoung J, sinh ngày 06/09/1973

Địa chỉ nơi cư trú: #468 Hahyo-dong Seoguipo-si Jeju-do Korea.

Quốc tịch: Hàn Quốc – Số chứng minh nhân dân: 1954111, Số hộ chiếu: M61516185 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc ký ngày 19/7/2012. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện đề ngày 10/10/2016 của nguyên đơn Lê Thị N về việc ly hôn, chị N trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Kim Myoung J (quốc tịch Hàn Quốc) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được cơ quan có thẩm quyền ở Hàn Quốc chứng nhận kết hôn vào ngày 11/08/2010, sau đó anh Kim Myoung J và chị đã đến Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình xác nhận và được Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch vào ngày 26/8/2010. Sau

khi kết hôn chị Nương và anh Kim Myoung J sang Hàn Quốc chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng cuộc sống vợ chồng không như chị mong muốn. Lúc đầu chỉ những mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, ngôn ngữ, phong tục tập quán nên cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, không hạnh phúc. Trầm trọng nhất là đến cuối năm 2012 vợ chồng chị quyết định chia tay và chị N về Việt Nam. Kể từ khi về Việt Nam đến nay chị và anh Kim Myoung J không còn quan tâm, liên lạc với nhau và đến nay chị hoàn toàn mất liên lạc với anh Kim Myoung J, chị không còn tình cảm anh Kim Myoung J. Vì vậy yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 474; khoản 5 Điều 477 BLTTDS, Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị N và anh Kim Myoung J được ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà bị đơn anh Kim Myoung J vắng mặt. Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 474 BLTTDS, cụ thể:

Tiến hành tống đạt Thông báo về việc thụ lý án theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị N và các giấy tờ có liên quan đến việc giải quyết vụ án, thông báo về nội dung mở phiên họp, phiên hoà giải, phiên toà đến anh Kim Myoung J để anh Kim Myoung J có mặt tại Toà án theo phương thức quy định của Hiệp ước La Hay tại văn bản tương trợ tư pháp số 320/TTTPDS-TA46 ngày 15/5/2017; Uỷ thác tư pháp theo con đường ngoại giao qua Bộ Tư pháp tại Công văn tương trợ tư pháp số 611/TTTPDS-TA ngày 17/11/2016; trực tiếp gửi bằng đường Bưu chính đến địa chỉ của anh Kim Myoung J.

Sau khi đã tiến hành các phương thức tống đạt trên mà vẫn không có kết quả, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Hàn Quốc niêm yết công khai các văn bản tố tụng về nội dung đơn khởi kiện, thông báo về thời gian mở phiên họp, phiên hoà giải, phiên toà đối với anh Kim Myoung J tại trụ sở và trên cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại Hàn Quốc, thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài qua Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam (VOV), đồng thời tiến hành niêm yết tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đến nay vẫn không có kết quả.

Ngày 27/7/2017, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành mở phiên toà, bị đơn anh Kim Myoung J vắng mặt, nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 233, Điều 235, Điều 476 Toà án hoãn phiên toà.

Tại phiên hoà hôm nay ngày 28/8/2017 Kim Myoung J vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 476; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

2.1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Kim Myoung J kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc chứng nhận kết hôn vào ngày 11/08/2010 và được Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình cấp giấy chứng nhận về việc đã ghi chú vào sổ các việc hộ tịch vào ngày 26/8/2010 là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Lê Thị N cùng anh Kim Myoung J sang Hàn Quốc chung sống, do bất đồng quan điểm, điều kiện sống và ngôn ngữ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2012, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không có khả năng cải thiện nên anh Kim Myoung Jong và chị Lê Thị N quyết định chia tay, chị N trở về Việt Nam.

Kể từ khi về Việt Nam đến nay đã 05 năm chị Lê Thị N và anh Kim Myoung J không hề liên lạc với nhau, chị Nương khẳng định không còn tình cảm với anh Kim Myoung J. Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên toà hôm nay, chị Nương đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Thị N và anh Kim Myoung J thực sự không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị N, xử cho chị Lê Thị N và anh Kim Myoung J được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

2.2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.3. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

2.4. Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Chị Lê Thị N phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Tổng cộng chị Lê Thị N phải chịu 400.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2015/0000126 ngày 24/10/2016 và biên lai số: AA/2015/0000067 ngày 15/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình tổng số tiền là 550.000đ. Chị Lê Thị N được nhận lại 150.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Kim Myoung J được ly hôn.

2.Về quan hệ con chung: Không xem xét.

3.Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

4.Về án phí, lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị Lê Thị N phải chịu 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ tiền lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Tổng cộng chị Lê Thị N phải chịu 400.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác đã nộp tại biên lai số: AA/2015/0000126 ngày 24/10/2016 và biên lai số: AA/2015/0000067 ngày 15/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình với tổng số tiền 550.000đ. Chị Lê Thị N được nhận lại 150.000đ.

Án xử công khai báo cho chị Lê Thị N biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Kim Myoung J có quyền có kháng cáo bản án này trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hoàng Thị Loan